

**PHỤ LỤC BỔ SUNG KINH PHÍ BAN COI THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-SGDĐT ngày /6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Tính chất nguồn: 12

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Mã DV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm
<b>I</b>	<b>Loại khoản 070 - 074</b>					
1	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	1	229.350.000	
2	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	1	333.920.000	
3	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0168	1	194.550.000	
4	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	0168	1	177.760.000	
5	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0168	1	183.890.000	
6	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0168	1	93.210.000	
7	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	2	84.930.000	
8	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	0166	2	87.290.000	
9	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	2	197.430.000	
10	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0168	1	342.860.000	
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	2	105.330.000	
12	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	3	105.780.000	
13	Trường THPT Trần Phú	1006666	0161	KBNN KV XIII	205.990.000	
14	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	KBNN KV XIII	92.040.000	
15	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	KBNN KV XIII	554.720.000	
16	Trường THPT Thái Phiên	1006569	0166	2	315.290.000	
17	Trường THPT Thanh Khê	1026270	0166	2	180.580.000	
18	Trường THPT Duy Tân	1104319	0171	4	97.790.000	
19	Trường THPT Lê Quý Đôn	1045044	0171	4	170.850.000	
20	Trường THPT Trần Cao Vân	1010034	0171	4	180.270.000	
21	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	1092748	0171	4	207.160.000	
22	Trường THPT Phan Bội Châu	1045035	0171	4	78.610.000	
23	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1063742	0179	12	249.670.000	
24	Trường THPT Lương Thế Vinh	1045041	0179	12	142.360.000	
25	Trường THPT Hoàng Diệu	1010041	0179	12	98.780.000	
26	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò nổi	1010042	0179	12	65.520.000	
27	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	1045038	0175	8	54.800.000	
28	Trường THPT Âu Cơ	1098671	0175	8	53.950.000	
29	Trường THPT Tây Giang	1090329	0174	7	63.650.000	
30	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1110098	0176	9	58.840.000	
31	Trường THPT Tố Hữu	1045039	0176	9	58.620.000	
32	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1010163	0176	9	164.370.000	
33	Trường THPT Chu Văn An	1010121	0176	9	92.570.000	
34	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1010120	0176	9	104.110.000	

35	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1096986	0179	12	75.910.000	
36	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	1060002	0179	12	149.680.000	
37	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	1114918	0179	12	157.960.000	
38	Trường THPT Trần Quý Cáp	1010043	0179	12	186.460.000	
39	Trường THPT Núi Thành	1010035	0173	6	101.380.000	
40	Trường THPT Nguyễn Huệ	1063739	0173	6	95.700.000	
41	Trường THPT Cao Bá Quát	1045040	0173	6	155.500.000	
42	Trường THPT Lý Tự Trọng	1045043	0178	11	61.870.000	
43	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1045170	0178	11	131.030.000	
44	Trường THPT Tiểu La	1009977	0178	11	85.320.000	
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	1064441	0178	11	78.080.000	
46	Trường THPT Hùng Vương	1110198	0171	4	89.270.000	
47	Trường THPT Hồ Nghinh	1125778	0179	12	89.500.000	
48	Trường THPT Sào Nam	1010044	0179	12	85.790.000	
49	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	1063743	0179	12	79.930.000	
50	Trường THPT Lê Hồng Phong	1010037	0179	12	77.920.000	
51	Trường THPT Hiệp Đức	1010033	0178	11	75.560.000	
52	Trường THPT Trần Phú - Việt An	1098456	0178	11	71.400.000	
53	Trường THPT Nông Sơn	1010040	0178	11	69.390.000	
54	Trường THPT Khâm Đức	1045131	0176	9	87.800.000	
55	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	1063740	0178	11	61.390.000	
56	Trường THPT Quế Sơn	1009978	0178	11	67.490.000	
57	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1010039	0178	11	85.600.000	
58	Trường THPT Bắc Trà My	1090324	0177	10	81.830.000	
59	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	1099720	0177	10	72.800.000	
60	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	1099722	0177	10	44.730.000	
61	Trường THPT Nam Trà My	1072522	0177	10	71.290.000	
62	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	1011556	0177	10	87.000.000	
63	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1045172	0177	10	82.350.000	
64	Trường THPT Nguyễn Dục	1027236	0172	5	70.880.000	
65	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1131281	0172	5	59.360.000	
66	Trường THPT Trần Văn Dư	1045037	0171	4	66.800.000	
	<b>Loại khoản 070 - 098</b>					
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012275	0161	KBNN KV XIII		8.283.810.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>8.283.810.000</b>	<b>8.283.810.000</b>